TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HS-ST
Ngày: 14-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiên Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyến và ông Nguyễn Văn Quyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97A/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Đức P1**, tên gọi khác: không; sinh ngày: 30/7/1993, tại phường P, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu Y6, phường P, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa; 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Vũ Đức P2, con bà Vũ Thị T (đã chết); có vợ là Lê Thị T; có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo đầu thú ngày 13/01/2026; tạm giữ từ ngày 13/01/2026 đến ngày 22/01/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh". Hiện tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức Q**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 01/7/1999, tại phường P, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu P4, phường P, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L, con bà Dương Thị H; có vợ là Bùi Thị Phương V; có 02 con, con lớn sinh năm 2023, con nhỏ sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo đầu thú ngày 13/01/2026; tạm giữ từ ngày 13/01/2026 đến ngày 22/01/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh". Hiện tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đ**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 04/5/1991, tại phường P, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu P7, phường P, tỉnh Quảng Ninh, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Hữu C1, con bà Vũ Thị D; có vợ là Nguyễn Thị X; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo đầu thú ngày 13/01/2026; tạm giữ từ ngày 13/01/2026 đến ngày 22/01/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh". Hiện tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

4/ Người làm chứng: Anh Lê Sỹ Việt A, anh Nguyễn Hữu C2, anh Ngô Xuân H, anh Phạm Hữu L, chị Nguyễn Thị X, chị Nình Thị T; đều vắng mặt.

5/ Người chứng kiến: Ông Tô Văn M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu Đ là chủ quán bi-a "G" ở khu P7, phường P, tỉnh Quảng Ninh. Chiều ngày 13/01/2026, Nguyễn Đức Q và Vũ Đức P1 (là bạn, quan hệ xã hội với Đ) đến quán chơi Bi-a. Khoảng 16 giờ cùng ngày, P1 rủ Q và Đ đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức "**Đá Bi-a**" 9 bi, thì Q và Đ đồng ý.

Về cách thức đánh bạc, các bị cáo thống nhất như sau: sử dụng bi "cái" (bi trắng) đá lần lượt tới các bi mục tiêu được đánh số từ 1 đến 9, nếu ai đánh được bi cuối cùng xuống lỗ thì sẽ thắng của người có lượt đánh liền trước với số tiền là 100.000 đồng. Nếu người khai cuộc (phá bi ban đầu) làm rơi các bi từ 1 đến 8 sau đó đánh tiếp đến hết các bi xuống lỗ thì hai người còn lại phải trả cho người thắng số tiền là 150.000 đồng (chấm phá); nếu người khai cuộc không làm rơi bi nào mà người liền sau lần lượt đánh hết các bi xuống lỗ người có lượt đánh liền trước sẽ phải trả cho người đó số tiền là 200.000 đồng (chấm đơn); người nào đưa được bóng số 9 vào lỗ thì những người thua phải trả cho người đó số tiền là 100.000 đồng. Nếu trong ván có ai đánh rơi được bi xuống lỗ giữa (lỗ 10) thì mỗi người sẽ trả cho người đó số tiền là 20.000 đồng.

Trước khi chơi mỗi người bỏ ra 100.000 đồng vào lỗ giữa bàn, nếu ai được "chấm đơn", "chấm phá" thì phải bỏ ra thêm tương ứng 30.000 đồng, 50.000 đồng để thanh toán tiền bàn, nước và đồ ăn. Do Q và Đ đánh kém hơn P1 nên cả 3 thống nhất Q đánh đến bi số 6, Đ đánh đến bi số 8, còn P1 đánh đến bi số 9 là thắng. Trước khi tham gia đánh bạc, Đ có 1.520.000 đồng, P1 có 2.000.000 đồng, Q có 2.600.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, Công an phường P, tỉnh Quảng Ninh kiểm tra hành chính quán "**Bi-a G**", phát hiện tại bàn bi-a số 3 có Đ, Q và P1 đang thực

hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức **"Đá Bi-a**", thu giữ trong lỗ giữa cạnh dài bên phải bàn bi-a 400.000 đồng là tiền do Đ, Q và P1 góp trong quá trình đánh bạc thắng để trả tiền thuê bàn bi-a. Ngoài ra, còn thu giữ: 01 bàn bi-a; 03 gậy đá bi-a và 10 quả bóng bi-a.

Tại cơ quan điều tra, Đ, Q và P1 đầu thú khai nhận hành vi phạm tội như trên và tự nguyện giao nộp số tiền sử dụng đánh bạc cất giấu trong túi quần, cụ thể: bị cáo Đ giao nộp 1.570.000 đồng (thắng 50.000 đồng), bị cáo Q giao nộp 2.450.000 đồng (thua 150.000 đồng) và bị cáo P1 giao nộp 1.700.000 đồng (thua 300.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.120.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKS ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Đức P1 từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Hữu Đ từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Đức Q từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của BLHS; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 bàn bi-a; 3 gậy đá bi-a; 10 quả bóng bi-a và số tiền 6.120.000 đồng.

Trả lại bị cáo Vũ Đức P1 01 điện thoại Iphone12 Promax, vỏ màu trắng, gắn sim.

Trả lại bị cáo Nguyễn Đức Q 01 điện thoại Redmi Note13pro 5G, vỏ màu đen, gắn 02 sim.

Trả lại bị cáo Vũ Đức P1 01 điện thoại Iphone12 Promax, vỏ màu vàng, gắn sim.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, Q và P1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội nên không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng, người chứng kiến vắng mặt tại phiên toà đã có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, biên bản kiểm tra dữ liệu điện tử, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 18 giờ ngày 13/01/2026, tại quán "**Bi-a G**" của Nguyễn Hữu Đ ở khu P7, phường P, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Đức Q và Vũ Đức P1 đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức "**Đá Bi-a**" 9 bi, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là **6.120.000 đồng** thì bị phát hiện, bắt, thu giữ vật chứng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân nên HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Về vai trò: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo P1 là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ và Q đánh bạc bằng hình thức "đá bi-a" 9 bi nên bị cáo P1 giữ vai trò đầu vụ và phải chịu mức án cao nhất. Bị cáo Đ là chủ

quán Bi-a "G", khi được P1 rủ rê đánh bạc, tích cực thực hiện nên giữ vai trò thứ 2 trong vụ án và chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo P1. Bị cáo Q tích cực thực hiện hành vi đánh bạc, giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

- *Tình tiết tăng nặng*: không có.

- *Tình tiết giảm nhẹ:* Các bị cáo P1, Q và Đ lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX thấy rằng các Bị cáo Vũ Đức P1, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Hữu Đ đều phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo cũng đủ để các bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của BLHS thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] *Về biện pháp ngăn chặn*: Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Vũ Đức P1, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Hữu Đ khỏi xã hội nên căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự cần hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo.

[5] Những tình tiết khác trong vụ án:

Đối với chị Nguyễn Thị X (vợ bị cáo Đ, là người được giao quản lý, trông coi quán) và chị Nình Thị T (sinh năm 2002; trú tại thôn K, xã Đ - là nhân viên phục vụ) không bàn bạc, không tham gia và không biết các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc nên không đề cập xử lý.

Trong quá trình kiểm tra hành chính phát hiện tại bàn bi-a số 4 có Nguyễn Hữu C2, Ngô Xuân H, Nguyễn Hữu L và Lê Sỹ Việt A có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức "**Đá Bi-a**" 9 bi với số tiền là **4.500.000 đồng**, tuy nhiên những người này chưa bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc hoặc đã bị kết án về tội này nhưng chưa được xóa án tích nên không cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự, Công an phường P đã xử phạt hành chính.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với 03 chiếc điện thoại cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo do không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho cácbị cáo.

Đối với 01 bàn bi-a, 03 gậy bi-a, 10 bóng bi-a (còn giá trị sử dung) và số tiền 6.120.000 đồng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: các bị cáo Vũ Đức P1, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Hữu Đ phạm tội: "Đánh bạc".

Xử phạt: bị cáo Vũ Đức P1 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bị cáo Nguyễn Đức Q 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao các bị cáo Vũ Đức P1, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số 76/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 10/4/2026; số 86/2026/HSST-LCĐKNCT ngày

29/4/2026 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 117/2026/HSST-QĐTHXC ngày 10/4/2026; số 158/2026/HSST-QĐTHXC ngày 29/4/2026 đối với bị cáo Vũ Đức P1; hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số 77/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 10/4/2026; số 87/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 29/4/2026 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 118/2026/HSST-QĐTHXC ngày 10/4/2026; số 159/2026/HSST-QĐTHXC ngày 29/4/2026 đối với bị cáo Nguyễn Đức Q, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số 78/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 10/4/2026; số 88/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 29/4/2026 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 119/2026/HSST-QĐTHXC ngày 10/4/2026; số 160/2026/HSST-QĐTHXC ngày 29/4/2026 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.120.000đ (sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) đựng trong phong bì niêm phong số 503/VPCQCSĐT ngày 30/01/2026 theo phiếu nhập kho ngày 03/02/2026; 01 bàn bi-a, 03 gậy bi-a, 10 bóng bi-a.

Trả lại bị cáo Vũ Đức P1 01 điện thoại Iphone12 Promax, vỏ màu trắng, gắn sim.

Trả lại bị cáo Nguyễn Đức Q 01 điện thoại Redmi Note13pro 5G, vỏ màu đen, gắn 02 sim.

Trả lại bị cáo Vũ Đức P1 01 điện thoại Iphone12 Promax, vỏ màu vàng, gắn sim.

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Đức P1, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Hữu Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát khu vực 2 - Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường P, tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thiên Nga